

Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Ban Quản lý đào tạo

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG GHI ĐIỂM HỌC PHẦN
Học kỳ 1 - Năm học 2019-2020

Tên môn học: Tin học đại cương
Tên Giảng viên: Phan Trọng Tiến

Mã môn học/ mã nhóm: TH01009/48
Mã Giảng viên: CNP05

Số tín chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ tên		Ngày sinh	Tên Lớp	Điểm tổng kết	Ghi chú	CC	GK	CK
1	646634	Phạm Thị Thúy	An	12/03/01	K64QTKDD	6.0		10	8	3.6
2	646441	Bùi Việt	Anh	25/08/01	K64QTKDD	V	Vắng	0	6	0
3	646985	Đào Hoàng	Anh	28/01/01	K64QTKDD	V	Vắng	9	3.5	0
4	646794	Nguyễn Thị Tú	Anh	21/08/01	K64QTKDD	4.3		6	4	4.2
5	646837	Phùng Thị Phương	Anh	14/05/01	K64QTKDD	5.0		9	4.5	4.6
6	646805	Trần Thị Lan	Anh	27/07/01	K64QTKDD	6.7		10	7	5.8
7	646553	Đinh Thị Ngọc	Ánh	01/05/01	K64QTKDD	7.7		10	9.5	5.8
8	646598	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	18/11/01	K64QTKDD	5.2		10	4.5	4.8
9	647115	Lò Tà	Chán	20/04/00	K64QTKDD	4.0		10	3.2	3.4
10	646252	Nguyễn Đức	Chiều	13/09/01	K64QTKDD	5.0		9	4.5	4.6
11	646776	Triệu Anh	Chung	30/01/01	K64QTKDD	V	Vắng	9	4	0
12	647017	Nguyễn Quốc	Cường	11/06/01	K64QTKDD	4.2		6	3	4.8
13	646697	Vũ Trọng	Duy	22/09/01	K64QTKDD	6.1		9	7	4.8
14	647215	Đieu Thị	Duyên	24/02/01	K64QTKDD	6.5		9	7	5.6
15	646323	Nguyễn Bá Huy	Đại	16/12/01	K64QTKDD	5.8		9	8	3.4
16	646568	Nguyễn Văn	Đảng	19/10/00	K64QTKDD	6.6		10	7	5.6
17	642975	Vũ Duy	Đạt	21/01/01	K64QTKDD	6.2		10	7	4.8
18	646340	Nguyễn Thị	Đoan	06/06/01	K64QTKDD	5.1		10	6	3.4
19	646777	Triệu Anh	Đức	30/01/01	K64QTKDD	V	Vắng	9	9.5	0
20	646403	Hoàng Ngân	Giang	24/03/01	K64QTKDD	4.5		10	3.2	4.4

21	646911	Lê Thị	Hà	17/06/01	K64QTKDD	5.2		10	5	4.4
22	646654	Ngô Thị Ngọc	Hà	12/09/01	K64QTKDD	6.6		10	8.5	4.4
23	646599	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/07/01	K64QTKDD	6.1		7	6.5	5.6
24	646716	Lê Long	Hải	18/08/01	K64QTKDD	5.2		10	5	4.4
25	646255	Nguyễn Tiến	Hải	14/12/01	K64QTKDD	5.1		9	7	2.8
26	643041	Phạm Quang	Hải	16/09/01	K64QTKDD	5.0		10	4	4.8
27	646814	Trần Ngọc	Hải	12/09/01	K64QTKDD	4.0		6	4.2	3.4
28	646357	Trần Thị Bích	Hạnh	03/05/01	K64QTKDD	2.3		7	0	3.2
29	646388	Nguyễn Thị Nguyệt	Hằng	13/07/01	K64QTKDD	6.8		10	9	4.4
30	646352	Chu Văn	Hậu	18/12/01	K64QTKDD	7.6		10	9	6
31	646590	Vũ Thị	Hiên	10/03/01	K64QTKDD	5.8		10	4.5	6
32	643060	Ngô Thu	Hiền	18/10/01	K64QTKDD	6.0		6	7	5.2
33	646350	An Trung	Hiếu	01/10/01	K64QTKDD	5.5		9	5.2	5
34	646656	Dương Quốc	Hiếu	02/02/01	K64QTKDD	5.3		10	5	4.6
35	646759	Nguyễn Đức	Hiếu	19/02/01	K64QTKDD	3.6		7	1	5
36	643043	Nguyễn Thị Phương	Hoa	06/11/99	K64QTKDD	6.1		7	6.5	5.6
37	643027	Nguyễn Huy	Hoàng	12/11/01	K64QTKDD	V	Vắng	5	0	0
38	647018	Thái Văn	Hoàng	10/04/00	K64QTKDD	4.1		9	2.5	4.4
39	646704	Trần Việt	Hoàng	27/11/01	K64QTKDD	V	Vắng	5	8	0
40	646903	Nguyễn Thị Thu	Hồng	07/01/01	K64QTKDD	6.0		9	6.5	5
41	643106	Đậu Thị Quỳnh	Huệ	02/04/01	K64QTKDD	5.7		10	5	5.4
42	647136	Nguyễn Mỹ	Huyền	15/05/01	K64QTKDD	6.0		7	6	5.8
43	646410	Nguyễn Như	Hương	31/12/01	K64QTKDD	6.0		10	7	4.4
44	646444	Nguyễn Thị Hồng	Hương	16/06/01	K64QTKDD	5.7		10	6	4.6
45	646738	Đoàn Thanh	Hường	05/08/01	K64QTKDD	4.1		10	2	4.6
46	646990	Trần Công	Khôi	29/08/01	K64QTKDD	4.8		10	4	4.4
47	642966	Đặng Thị Thùy	Linh	20/06/01	K64QTKDD	6.8		9	8	5.4
48	646942	Đoàn Vĩnh	Linh	02/04/01	K64QTKDD	7.1		10	9	5
49	646367	Nguyễn Thảo	Linh	22/07/01	K64QTKDD	V	Vắng	9	5	0
50	646899	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	24/01/01	K64QTKDD	4.0		10	2.5	4

51	646884	Nguyễn Văn	Long	26/03/01	K64QTKDD	6.0		9	5.5	5.8
52	646270	Nguyễn Thị Bích	Ly	13/10/01	K64QTKDD	7.3		10	9.5	5
53	643031	Lâm Thị	Mai	02/12/01	K64QTKDD	6.3		10	6	5.8
54	646929	Nguyễn Thùy	Mai	29/07/01	K64QTKDD	5.5		10	4.2	5.6
55	647175	Ngô Thị	Minh	11/12/01	K64QTKDD	5.6		9	5.5	5
56	646645	Nguyễn Bình	Minh	11/07/01	K64QTKDD	V	Vắng	5	6	0
57	643059	Phạm Trịnh Phương	Nga	30/10/01	K64QTKDD	5.7		9	6	4.8
58	646581	Trần Thị Hồng	Ngân	09/02/01	K64QTKDD	7.2		10	8.5	5.6
59	646438	Nguyễn Hoài	Ngọc	23/10/01	K64QTKDD	6.7		10	7.5	5.4
60	643042	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	15/04/01	K64QTKDD	4.9		7	4.5	4.8
61	646754	Nguyễn Tùng	Ngọc	19/11/01	K64QTKDD	5.8		10	6.5	4.4
62	646576	Lê Hữu	Nguyên	09/11/01	K64QTKDD	V	Vắng	7	7	0
63	646955	Nguyễn Phương	Nhi	21/11/01	K64QTKDD	5.9		9	5	6
64	646696	Nguyễn Kiều	Oanh	31/07/01	K64QTKDD	5.8		7	5.5	5.8
65	647178	Đinh Thị	San	26/09/00	K64QTKDD	5.3		10	4	5.4
66	646684	Nguyễn Văn	Sang	07/08/01	K64QTKDD	5.8		9	6	5
67	646710	Thái Trung	Thành	02/01/01	K64QTKDD	5.0		9	4.2	4.8
68	646764	Vũ Thị Ngọc	Thảo	12/05/01	K64QTKDD	4.9		10	5	3.8
69	646304	Vũ Huy	Thắng	26/01/01	K64QTKDD	5.0		7	4.2	5.2
70	646780	Trần Thị	Thi	19/03/01	K64QTKDD	5.0		9	5.2	4
71	646283	Nguyễn Ngọc	Thịnh	31/05/01	K64QTKDD	4.8		10	3	5.2
72	647000	Nguyễn Thị	Thùy	03/01/01	K64QTKDD	5.6		10	7.5	3.2
73	647191	Nguyễn Đặng Thủy	Tiên	07/01/01	K64QTKDD	5.6		10	5.5	4.8
74	646254	Đoàn Hữu	Tiến	24/08/01	K64QTKDD	6.5		10	7	5.4
75	646959	Nguyễn Minh	Toàn	26/09/01	K64QTKDD	V	Vắng	5	0	0
76	646695	Đặng Thị	Trang	26/09/01	K64QTKDD	5.3		0	8	4.2
77	646842	Hoàng Thị Huyền	Trang	22/11/01	K64QTKDD	V	Vắng	5	2.5	0
78	646745	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/05/01	K64QTKDD	4.1		10	1.5	5
79	646790	Vũ Quỳnh	Trang	12/07/01	K64QTKDD	4.1		9	2.5	4.4
80	646746	Hán Xuân	Trường	15/02/01	K64QTKDD	5.5		6	5	5.8

81	646772	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	15/03/01	K64QTKDD	4.3		10	4	3.4
82	646753	Bùi Văn	Tuấn	26/02/01	K64QTKDD	6.6		9	8	5
83	646317	Bùi Duy	Tùng	01/09/01	K64QTKDD	5.3		10	5.5	4.2
84	646850	Dương Văn	Tùng	06/11/01	K64QTKDD	5.0		7	4	5.4
85	646231	Phạm Quang	Tùng	14/10/01	K64QTKDD	6.1		10	6	5.4
86	646398	Huỳnh Quốc	Việt	26/08/01	K64QTKDD	7.8		7	9.5	6.6
87	647206	Lường Thanh	Vĩnh	20/10/01	K64QTKDD	4.5		10	3	4.6
88	646797	Phạm Tuấn	Vũ	21/12/01	K64QTKDD	6.5		9	6.5	6
89	647177	Đinh Thị	Vui	28/06/01	K64QTKDD	4.2		10	1.5	5.2
90	646906	Trần Thị Bảo	Yên	19/04/01	K64QTKDD	4.0		10	3.5	3.2

Số sinh viên trong danh sách: 90, Ngày tháng năm

Trưởng bộ mônGiảng viên giảng dạy

(Ký và ghi rõ họ tên)(Ký và ghi rõ họ tên)